

**Lịch Sử Đức Phật Tổ Cô Đàm  
Maha Thongkham Medhivong**

THIÊN THỨ MƯỜI LĂM

**ĐỨC THẾ TÔN NHẬP NIẾT BÀN**

-ooOoo-

Hạ thứ bốn mươi lăm đức Thế Tôn nhập hạ tại làng Veluvagàma. Khi giữa hạ đức Thế Tôn lâm bệnh rất trầm trọng. Nhưng Ngài dùng thiên định chế ngự bệnh ấy và Ngài nghĩ: Chưa phải lúc Như Lai nhập Niết bàn.

Ngày nọ, đức Thế Tôn ngự dưới bóng mát của mái chánh điện. Đại Đức Ananda vào hầu, khi đánh lễ xong bạch đức Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tôi được thấy sự phục hồi sức khoẻ của Ngài, tôi cũng đã thấy sự nhẫn nại của Ngài, trong khi Ngài đang lâm trọng bệnh, tôi cảm thấy thân tôi rất nặng nề, không còn phân biệt phương hướng. Các pháp cũng chẳng hiện rõ trong tâm, vì mắc lo nghĩ về bệnh tình của Ngài. Mặc dầu vậy nhưng tôi cũng vẫn còn có nguồn an ủi rằng: Khi mà đức Thế Tôn chưa cho đọc tuyên ngôn gọi chư Tăng hội lại rồi dạy một điều nào thì chắc chắn Ngài chưa nhập diệt. Bạch đức Thế Tôn tôi chỉ còn an lòng chừng ấy thôi.

- Ananda này, chư Tỷ khưu Tăng còn hy vọng gì ở Như Lai nữa. Các pháp Như Lai đã thuyết xong rồi rất rõ rệt nghĩa là Như Lai không còn giấu giếm một pháp nào. Như Lai là vị Thiên Nhơn Sư, Tâm đã giải thoát khỏi ái dục, tà kiến thì đâu còn điều nào bí mật che giấu, Như Lai đã thuyết rõ ràng cho chư đệ tử, hoặc giảng rõ cho đệ tử hiểu biết rõ rệt đến nơi ráo rọt hoàn toàn. Ananda này, nếu có người nào nghĩ rằng: Như Lai là người quản trị chư Tăng, rồi người ấy thay mặt cho chư Tăng tỏ ra lời mền tiếc. Sự suy nghĩ quản trị chư Tăng không bao giờ có trong tâm của Như Lai.

Này Ananda, Như Lai đã già rồi, Như Lai đã tám mươi tuổi rồi, thân hình của Như Lai đã thay đổi, hiện nay ngũ quan của Như Lai thay đổi không còn như khi xưa, tất cả mọi bộ phận trong thân này đều thay đổi. Ví như chiếc xe bò cõ cõ hư nhiều chỗ, sờ dĩ còn dùng được là nhờ có những khúc tre cột gá vào nên mới còn nguyên vẹn thôi. Thân hình Như Lai cũng như chiếc xe ấy, nó đã đi đến chỗ già yếu còn dùng được đến ngày hôm nay là nhờ có pháp thiên định tạm giữ lấy không cho hư hoại, cũng như xe nhờ những khúc tre kẽm lại để dùng tạm thời thôi. Vì vậy Ananda ơi, người nên tự nương nhờ lấy bản thân mình, không có vật gì ngoài ta mà ta có thể nương nhờ được.

Đức Thế Tôn chỉ trích thân ngũ uẩn của Ngài cho đức Ananda nghe như vậy sau khi dứt thời pháp có rất nhiều vị chư Thiên nghe thời pháp ấy đắc quả Thánh.

Sáng ngày hôm sau, Ngài vào thành Thất La Phiệt khát thực xong Ngài dẫn năm trăm vị Tỷ khưu đi về thành Vesàli. Đến thành Vesàli, Ngài ngự tại rừng Mahàvana.

Trong khi ấy đức vua xứ Vesàli là Licchavi và hoàng tộc nghe rằng: Đức Thế Tôn ngự đến, liền cùng nhau lo vật cúng dường và lập tức đến hầu Phật. Đức Thế Tôn liền

thuyết pháp độ các vị ấy. Sau thời pháp nhà vua cùng hoàng tộc xin thỉnh cầu đức Thế Tôn ngự vào thành thọ thực sáng ngày mai. Đức Thế Tôn nhậm lời bằng cách lặng thỉnh.

Sáng ngày, đức Thế Tôn vào thành khất thực với năm trăm vị Tỳ khuru, sau khi thọ thực xong Ngài cầu chúc cho nhà vua rồi trở về. Đức Thế Tôn đứng ngoài thành Vesàli ngó vào thành rồi dạy rằng: Như Lai thấy thành Vesàli này là lần cuối cùng. Nói xong Ngài dạy lại và đi luôn. Nơi Ngài đứng nói ấy sau này gọi là NĀGAVA LOKA NACETIYATTHANA (Nghĩa là: Tháp mà không bao giờ trở lại xem nữa). Đức Thế Tôn bảo Đại Đức Ananda rằng: Ananda, người nên đem ngọc cụ theo ta, Như Lai vào nghỉ trưa tại tháp Pāvāra. Đại Đức liền lo thu xếp đồ và theo Ngài đến tháp Pāvāra trải ngọc cụ để Ngài nằm; đức Ananda ngồi hầu gần bên.

Đức Thế Tôn dạy: Ananda, xứ Vesàli là xứ mà ai ai cũng ưa thích, tháp Pāvāra và tháp Gotama cũng là nơi mà người ai cũng thích đến ngắm cảnh. Nếu người nào đã đắc được bốn pháp Như ý người ấy lại có ý muốn sống đến một kiếp hay hơn ấy nữa thì vẫn sống được như ý muốn. Rồi đức Thế Tôn tự vấn và đáp lấy là bốn pháp Như ý là gì? Đáp bốn pháp Như ý là:

CHANDA: Dục như ý (Nghĩa sự muốn trong tâm);  
VIRIYA: Tinh tấn như ý (Nghĩa là sự cố gắng tinh tấn bất thối chuyển);  
CITTA: Niệm như ý (Nghĩa là sự thành thật của tâm không thối chuyển);  
VIMANSA: Tư duy như ý (Nghĩa là sự suy nghĩ chu đáo).

Mặc dầu đức Thế Tôn dạy như vậy, nhưng đức Ananda không hiểu ý đức Thế Tôn đề yêu cầu đức Thế Tôn sống lâu để độ chúng sanh. Câu đức Thế Tôn nói có nghĩa là: Ngài là đấng đã đắc được bốn pháp Như ý. Ngài có thể sống đến bao giờ cũng được tùy theo ý thích của Ngài.

Trong chú giải có ghi câu hỏi: Tại sao Đại Đức Ananda không yêu cầu đức Thế Tôn?

Đáp: Vì đức Ananda bị Ma vương nhập vào ám ảnh làm cho tâm Ngài mờ tối không nghĩ ra câu nói có một ý nghĩa khác thường của đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nhắc đi nhắc lại câu ấy đôi ba phen để đánh thức trí nhớ của Ngài Ananda nhưng Ngài không hiểu chi hết, cứ ngồi lặng thỉnh. Đức Thế Tôn mới dạy Đại Đức Ananda rằng: Ananda này, người hãy tìm nơi thanh vắng để nghỉ trưa đi.

Khi đức Ananda vừa lui ra thì Ma vương cũng vừa vào hầu đức Thế Tôn.

Khi đánh lễ xong ngồi nơi phải lễ và bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn tôi xin thỉnh cầu đức Thế Tôn nhập diệt. Kể từ khi Ngài vừa đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc Ngài ngự dưới cội cây Ajapālanigrodha (cây dùng của bọn chằn để thường đến nghỉ) tôi có đến yêu cầu Ngài nhập diệt, nhưng Ngài đã nhận lời của một vị Phạm Thiên thuyết pháp độ đời. Khi ấy tôi có bạch Ngài rằng: Đức Thế Tôn đạo tạo Ba la mật hầu đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hôm nay Ngài đã đắc rồi còn phải độ đời làm gì cho khổ thân. Xin Ngài nhập diệt sớm càng hay. Khi ấy đức Thế Tôn có dạy rằng: Này Ma vương tâm đầy tội lỗi. Bao giờ đệ tử Như Lai là Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, thiện nam và tín nữ là người hiểu thông Tam tạng, có thể hộ trì Phật pháp hành theo Pháp luật và thay ta giảng dạy Phật tử sau này, để nhân loại và chư Thiên đắc được đạo quả Niết bàn, truyền bá Phật pháp được sâu rộng trong thế gian này, khi ấy Như Lai mới nhận lời người yêu cầu nhập diệt.

Ma vương bị tiêu tan hy vọng từ ngày ấy đến nay mới được cơ hội tốt, nên vào hầu Phật tại tháp Pāvāra yêu cầu Ngài nhập diệt.

Đức Thế Tôn liền dạy: Này Ma vương, tâm đầy tội lỗi, ngươi không nên nặng lòng lo nũa, còn không lâu đâu Như Lai sẽ nhập diệt, kể từ hôm nay đi ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết bàn.

Ma vương lấy làm vui vẻ nói: Lành thay, thiện thay, liền lui ra.

Ngày ấy là ngày mà đức Thế Tôn đã định nhập diệt, vì vậy nên quả địa cầu rung động. Đại Đức Ananda vào hầu Phật, đức Thế Tôn mới dạy nguyên nhân quả địa cầu rung chuyển là do nơi Ngài đã định nhập diệt.

Khi nghe đức Thế Tôn dạy vậy, đức Ananda mới bạch đức Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng từ bi thương hại chúng sanh nên sống thêm một kiếp để tế độ chúng sanh.

Đức Thế Tôn dạy: Hiện giờ ngươi không nên yêu cầu Như Lai.

Đức Ananda yêu cầu thêm vài lược, đức Thế Tôn khuyên Ananda ơi, ngươi có tin rằng: Như Lai đã đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay không?

- Bạch đức Thế Tôn, đệ tử tin.

- Ananda này, ngươi đã hành động không chu đáo nên lỗi ấy do nơi ngươi. Khi mà Như Lai đã tỏ cho ngươi biết ba lần, nhưng ngươi không hiểu ý nghĩa của lời Như Lai nói. Nếu Ananda hiểu ý câu nói của Như Lai và yêu cầu Như Lai thì Như Lai chỉ từ chối hai lần và sẽ nhận lời lần thứ ba. Nhưng Ananda không có một lời yêu cầu: đó là lỗi của Ananda vậy. Hiện giờ đây Như Lai đã nhận lời yêu cầu của Ma vương để nhập Niết bàn rồi ngươi mới yêu cầu, vì vậy Như Lai (không thể nhận lời người) phải nhập diệt. Sự như định nhập diệt của Như Lai còn ba tháng nữa, và Như Lai không thể nào nói hai lời.

Đức Thế Tôn liền khuyên rằng: Con người dẫu già, trẻ, ngu dại hoặc thông minh, sang giàu hay nghèo hèn, những người ấy đều có cái chết chắc chắn trong ngày vị lai, cũng ví như cái chén bằng đất mà người thợ gốm đã tạo ra nhỏ lớn, sồng hay chín, đẹp hay xấu đều phải đi đến chỗ bể một ngày nào. Tất cả các pháp hành thật không bền vững đó là thế gian pháp, nó chỉ có phận sự là sanh rồi diệt, khi đã có sồng tức nhiên phải có chết, chỉ có Niết bàn là nơi an vui tuyệt đối. Ananda này, đời Như Lai đã đi đến chỗ già rồi, tuổi thọ Như Lai còn rất ít; sẽ bỏ các người lại mà nhập diệt. Vậy các người nên có trí nhớ chẳng nên dễ duôi, nên cố gắng tạo ra sự nương nhờ cho bản thân, nghĩa là các người phải thọ trì Tứ thanh tịnh giới cho trong sạch và phải niệm về Minh sát tuệ đúng theo Sa môn pháp. Kẻ nào hành đúng theo pháp luật, ở trong pháp luật không hề dễ duôi, kẻ ấy có thể dứt bỏ luân hồi và đến Niết bàn được, kẻ ấy là người đến nơi tận cùng của khổ là giải thoát đến Niết bàn.

Thuyết xong đức Thế Tôn liền gọi đức Ananda rằng: Chúng ta đến làng Bhandugàma. Đức Ananda sửa sang hành trang cùng đi với đức Thế Tôn, có năm trăm vị Tỳ khưu theo hầu. Đức Thế Tôn ngự nơi ấy một lúc thuyết pháp độ được nhiều người đắc Thánh quả và trở nên người Chánh kiến. Sau ấy đức Thế Tôn gọi Ananda đến dạy: Chúng ta nên đến làng Hatthigàma, làng Ambagàma, làng Jampugàma và đến xứ Bhoganagana mỗi nơi Ngài ngự lại ít lâu thuyết pháp độ đời. Rồi Ngài cùng chư Tăng đến xứ Pàvā. Khi đến xứ Pàvā, đức Thế Tôn ngự tại Ambavana tức là vườn xoài của con người thợ kim hoàn tên Cunda.

Khi ông Cunda nghe tin đức Chánh đẳng Chánh giác vào ngự nơi vườn xoài của mình lấy làm vui mừng, lập tức sắm sanh lễ vật đến cúng dường đức Thế Tôn và chư Tăng.

Khi được nghe pháp của đức Thế Tôn, ông Cunda lấy làm thỏa thích và ông đắc quả Tu-đà-huờn. Ông liền cầu thỉnh đức Thế Tôn đến nhà ông thọ thực sáng ngày hôm sau.

Sáng ngày đức Thế Tôn ngự đến nhà ông Cunda thọ thực. Ông Cunda sắm lễ cúng dường rất ngon và rất quý là Sukaramadva (nghĩa là heo sữa) là món ăn ngon nhứt trong thời ấy, món ăn này có đủ năm vị.

Đây là lời của soạn giả, Sukaramadva có nghĩa là heo sữa mà cũng là tên một thứ nấm, tau gọi là nấm Chiên đàn.

Khi ấy chư Thiên trong cõi Sa bà thế giới đem thực phẩm để vào đồ ăn của ông Cunda, vì quý vị ấy biết rằng: Người nào được cúng dường vật thực đến đức Thế Tôn lần chót thì phước báu vô lượng vô biên. Vì vậy nên thực phẩm của ông Cunda có mùi vị thơm ngon.

Đức Thế Tôn dạy ông Cunda rằng: Này Cunda, món ăn Sukaramadva của người cúng dường ấy, chỉ được cúng dường cho một mình Như Lai thôi, khi còn dư người phải đem chôn. Như Lai chẳng thấy có chúng sanh nào trong Tam giới này có thể dùng món ấy được. Người nên cúng dường đến các vị Tỳ khuru món khác. (Đức Thế Tôn biết trước rằng: Trong món ăn ấy có chất độc. Vì thực phẩm của chư Thiên người thường không thể dùng được, hơn nữa trong vật ấy có lẫn chất độc, và đức Thế Tôn thọ thực món ấy mà nhập diệt).

Ông Cunda vâng lời đức Thế Tôn. Sau khi xong cuộc lễ cúng dường đức Thế Tôn ra về ngự nơi vườn xoài. Bất đầu sau khi cuộc trai Tăng, đức Thế Tôn thọ bệnh kiết lỵ. Đức Thế Tôn có dạy tiền kiếp của Ngài cho chư Tăng nghe rằng: Trong một kiếp quá khứ Ngài là một vị lương y có chữa bệnh cho con một vị Trưởng giả, Ngài có cho con ông Trưởng giả uống thuốc xổ, vì thuốc xổ ấy nên con ông Trưởng giả bệnh nặng và cũng vì bệnh ấy mà chết. Nhân nghiệp ấy nên hôm nay Ngài phải trả bằng bệnh kiết lỵ và nhập Niết bàn vì bệnh ấy.

Hỏi: Vị lương y ấy không cố tình làm hại con ông Trưởng giả tại sao lại bị cái nghiệp trả quả như vậy?

Đáp: Vì không cố ý giết, do thiếu tác ý nên ông lương y ấy khỏi phải sanh vào địa ngục, và chỉ chịu cái nghiệp rất ít như ta thấy đây thôi. Mà cũng do nơi nhân không có tác ý, và tác ý là chữa bệnh ấy nên hôm nay Ngài thọ nghiệp cũng không phải ông Cunda muốn giết hại Ngài, trái lại ông Cunda muốn dâng cúng vật ngon cho Ngài thọ thực. Như vậy ta thấy hai tác ý rất hợp nhau đúng là nhân nào quả ấy. Hơn nữa ta đừng nghĩ làm bác sĩ rui phạm thuốc không tội. Thật ra với pháp luật không truy tố vị bác sĩ, nhưng luật thừa trừ của nghiệp báo không nể ai đâu. (Hai câu văn đáp này của soạn giả vấn đáp để giải thắc mắc của quý vị).

Khi Ngài đang lâm bệnh nhưng cũng không nghĩ. Ngài dạy đức Ananda rằng: Ananda, chúng ta nên đến xứ Kusinàrà .

- Lành thay, thiện thay!

Trong khi đi đường đức Thế Tôn dùng thiền định chế ngự căn bệnh. Ngày nọ vì trời nóng bức và đi xa đức Thế Tôn cảm thấy khát nước Ngài liền dùng chân nghỉ dưới một cội cây cô thụ bên đường, gọi Ngài Ananda đến bảo rằng: Ananda ơi, Như Lai khát nước lắm, vậy Ananda hãy đi tìm nước đem đến cho Như Lai dùng.

Đoạn này chú giải có dạy rằng: Khi xưa đức Thế Tôn thường đi khoảng đường mười tám do tuần sau khi thọ thực xong mà Ngài không hề khát nước hay tỏ ra mệt nhọc chi

cả. Nay khát nước vì lẽ bệnh kiết lý hành. Sự thật khi thân này có thì có những chứng bệnh như vậy. Không phải do nơi vật thực ấy mà phát bệnh. Trái lại nhờ vật thực ấy mà đức Thế Tôn khoẻ hơn (Đây là lời chú giải soạn giả chỉ dịch ra không phê bình và cũng chẳng có ý kiến xin quý vị tự xét).

Đức Thế Tôn gọi Đại Đức Ananda đến dạy rằng: Ananda này, nếu về sau này có người nghi ngờ hay chỉ trích Cunda rằng: Ngươi là người vô phước, vì đức Chánh đẳng Chánh giác thọ thực lần sau cùng ở nhà ngươi rồi nhập diệt. Nếu có người nói như vậy sẽ làm cho Cunda buồn rầu ân hận. Ngươi nên giải thích oan tình của Cunda rằng: Có hai lần dâng cúng vật thực đến Như Lai có quả báo cao thượng nhưt là: Khi Như Lai thọ thực xong đặc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; và vật thực mà khi Như Lai thọ thực xong lại nhập Niết bàn. Hai lần ấy có quả báo cao thượng hơn tất cả các lần khác của thí chủ đã cúng dường trong đời của Như Lai.

Trong bộ chú giải của bài kinh này có đặt câu hỏi: Tại sao hai sự cúng dường ấy có quả báo bằng nhau, khi ngài Sujàtā dâng cúng vật thực cho Ngài rồi Ngài đặc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nghĩa là khi thọ thực ấy là phạm nhơn xong nhờ thọ thực ấy Ngài trở nên quả vị vô thượng. Còn ông Cunda dâng cúng vật thực đến Ngài, Ngài đang còn sống lại nhập diệt, hai lẽ khác nhau rất xa. Nghĩa là một người dâng vật thực để Ngài thành đạo còn một dâng vật thực để Ngài nhập diệt nếu không muốn nói là chết.

Thế thì làm sao gọi là có quả bằng nhau?

Đáp: Hai quả ấy bằng nhau là: Khi cô Sujàtā dâng cúng đức Thế Tôn còn là vị Bồ Tát và nhờ nơi ấy đức Thế Tôn đặc quả Hữu Dư Niết Bàn. Còn ông Cunda dâng cúng đức Thế Tôn khi Ngài đoạt được quả Hữu Dư Niết Bàn xong rồi, Ngài nhờ vật thực ấy mà đặc Vô Dư Niết Bàn vì hai lần dâng cúng ấy làm cho Ngài đoạt được Niết Bàn nên Ngài gọi rằng: Hai lần cúng dường ấy có quả báo ngang nhau.

Một lẽ nữa khi Ngài thành đạo Ngài phải trải qua một thời gian nhập định vào ra định đến hai mươi bốn muôn kinh lần mới đặc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Và khi Ngài nhập diệt cũng vậy Ngài cũng phải nhập định xuôi ngược cả hai mươi bốn muôn kinh lần mới nhập diệt vì vậy nên hai lần dâng cúng ấy có kết quả bằng nhau.

Xin quý vị hiểu như thế này: Nhờ cô Sujàtā cúng dường vật thực nên đức đại Bồ Tát thọ thực ấy xong đặc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau ấy bảy tuần lễ Ngài không thọ thực chi hết là do nhờ bốn mươi chín vắt cơm của cô ấy. Còn ông Cunda dâng cúng vật thực ấy mà Ngài dứt bỏ ngũ uẩn này. Vì vậy nên hai điều bố thí ấy có quả báo bằng nhau.

Đức Thế Tôn có dạy rằng: Nhân vật nào hằng bố thí thì nhân vật ấy hằng được phước. Nhân vật nào cố gắng thu thúc không dám làm tội, nhân vật ấy sẽ không có oan trái oán thù nhiều. Người thường làm phước thiện là người dứt bỏ được nhiều sự xấu xa để tiện, và người ấy là người diệt được lòng tham ái, sân hận, si mê và đặc Niết Bàn.

Đại Đức Ananda bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn vừa rồi có năm trăm xe thương hồ vừa qua con suối này vì vậy nên nước rất đục; ở trước đây có con sông Kukkuta nước rất trong và mát bên bờ sông có cây to. Vậy xin đức Thế Tôn ngự đến nơi ấy, nếu muốn tắm rửa cũng mát mẻ.

Đức Thế Tôn nghe vậy nhưng Ngài cũng vẫn bảo đức Ananda đi múc nước ấy và Ngài dùng. Ngài bảo đôi ba lượt rằng: Ngươi hãy đi múc nước ấy lại đây, Như Lai đang khát nước lắm.



Đức Thế Tôn an ngoạ, mình nghiêng về tay mặt, bàn tay mặt xoè ra để lót dưới vành tai mặt; đầu dạy hướng Bắc, mắt nhìn hướng Tây.

Đức Ananda vâng lời làm đúng theo lời dạy của đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn nằm nghỉ, Đại Đức Ananda cùng người làm vườn thượng uyển lo treo màn bên ngoài để đức Thế Tôn nằm dạy đầu về hướng Bắc tay để dưới mặt, chân mặt treo lên chân trái, đây là phép nằm theo thiên định. Đức Thế Tôn nhứt định nằm nơi ấy đến khi nhập diệt.

Khi ấy hai cây cổ thụ là cây Sàla trở bông từ dưới gốc cây đến trên ngọn, mùi hoa thơm tỏa đi khắp một vùng lạ nhứt là mùa ấy không phải là mùa hoa Sàla nở, và càng lạ hơn là các thứ hoa to như cây dù từ trên hư không rơi xuống như trong ấy có bông Mạn thù lớn và Mạn thù nhỏ, mùi hoa này thơm không sao tả được. Đó là hoa lạ của chư Thiên cúng dường Phật bảo. Khi ấy tiếng ong bay bướm lượn nghe như tiếng than khóc ai oán nào nề, hoa của hai cây cổ thụ Sàla rụng liên miên không ngớt, không khác nào giọt lệ của chúng sanh đang khóc người cha lành sắp lìa bỏ cõi đời, đàn con thơ dại bơ vơ giữa biển rộng rừng sâu có nhiều điều tai biến. Lúc ấy mặt trời cũng vừa lặn để lại ánh sáng vàng lợt lạt hình như mặt nhứt cũng không muốn xa lìa đức Đại Giác tâm rất từ bi, và cũng như buồn vì ánh sáng của bản thân không đủ soi rõ đường cho chúng sanh đi ra ngoài vòng cương tỏa của Ma vương, hôm nay ánh sáng huyền diệu nhứt làm cho Ma vương thức thù và hãi hùng sắp tắt. Ánh trăng cũng vừa lộ mọc làm cho cây cỏ sáng tươi hình như muốn thoa dịu cõi lòng của những đứa con đau khổ khi cha sắp lìa bỏ cõi đời. Cùng lúc ấy địa cầu rung chuyển sấm nổ vang trời, chư Thiên đánh trống vang rền; mưa hoa đầy mặt đất, đầu đầu cũng có hoa thơm, đây là chư Thiên muốn cúng dường lần chót đến đức Thế Tôn.

Khi đức Thế Tôn thấy sự cúng dường trọng hậu của chư Thiên như vậy, Ngài muốn dạy cho chúng sanh biết có hai thể thức cúng dường là cúng dường vật thực và cúng dường là sự hành theo chánh pháp để chúng sanh hiểu rõ hành thể. Ngài liền dạy Ananda rằng: Này Ananda ! Người và chư Thiên cúng dường trọng thể đến Như Lai như thế này, người và chư Thiên ấy không gọi là cúng dường trọng thể và kính trọng đức Như Lai. Nếu hàng Tứ chúng là Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, Thiện nam, Tín nữ hành đúng theo lời răn dạy của Như Lai mới gọi là người cúng dường trọng thể và cung kính Như Lai bằng cách hành đạo cao thượng, người này sẽ được quả báo cao thượng hơn hết tất cả các điều cúng dường khác.

Rồi đức Thế Tôn thuyết tiếp: Ananda ơi! Như Lai sẽ nhập diệt trong canh chót đêm nay.

Khi Đại Đức Ananda nghe vậy lấy làm buồn không cầm được hai giòng lệ, liền bạch Phật rằng: Xin đức Thế Tôn đừng vội nhập diệt xứ này, vì xứ này là một tiểu quốc là một xứ ở xa Vương Xá thành, còn có nhiều xứ lớn như Campa (đọc là Champa) Vương Xá, Sisaket, Thất La Phiệt, Bàrànasi, Kosambi v.v... Các nơi ấy mới xứng đáng là nơi Ngài nhập diệt. Vì nơi ấy có vua chúa sang trọng, các vị trí thức như Bà la môn, cũng có nhiều Trưởng giả, là những bậc có đức tin với Ngài. Những vị ấy sẽ làm lễ hỏa táng và cúng dường long trọng.

Đức Thế Tôn khuyên đức Ananda rằng: Ananda ơi! Người không nên chỉ trích xứ Kusinàrà là xứ bé nhỏ và bán khai. Lúc quá khứ nơi này là một xứ phồn thịnh và tiến hoá hơn tất cả các xứ đồng thời. Đức vua ngự trị xứ này là vị Chuyển luân Thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ. Đức vua ấy tên là Mahasunasana. Thủ đô xứ này khi xưa tên là Kusàvati, bề dài mười hai do tuần, bề ngang bảy do tuần là nơi cư ngụ của các vị tu hành, các bậc trí thức và hàng vương giả cùng trưởng giả.

Đức Thế Tôn có thuyết bài kinh gọi là Sudasadasutta. Sau khi dứt thời pháp đức Thế Tôn dạy Đại Đức Ananda rằng: Người hãy vào thành Kusinàrà báo cho vua Malla biết

rằng: Như Lai sẽ nhập diệt tại vườn thượng uyển trong canh chót đêm nay. Xin quý vị đừng để ân hận rằng: Đức Thế Tôn nhập diệt trong xứ mà ta không được yết kiến Ngài lần chót. Hãy lập tức đến hầu Ngài không nên diên trì.

Đại Đức Ananda nói: Lành thay, thiện thay! Rồi Ngài liền vào thành Kusinàrà báo cho vua Malla hay theo lời Phật dạy.

Vua và hoàng tộc xứ Malla hay tin ấy lấy làm buồn rầu nên than khóc vang lên, nhưng cũng không quên lo sửa sang vật liệu đem đến cúng dường. Những vị ấy kể lể rằng: Thật đáng tiếc thay! Đức Đại Từ Bi là đấng cha lành vội nhập Niết bàn bỏ đàn con khờ dại lại làm môi cho Ma vương ác qui, ngon đuốc soi đường cho nhân loại sắp tắt. Quý Ngài vào đến nơi đánh lễ đức Thế Tôn.

Khi ấy có người ngoại đạo tên là Subhadda được nghe tin rằng đức Chánh đẳng Chánh giác sắp nhập Niết bàn. Ông mới nghĩ: Ông đại Sa môn Cồ Đàm sẽ nhập diệt canh chót đêm nay. Ta phải đến để hỏi những nghi vấn của ta từ bấy lâu nay trước giờ ông nhập diệt. Ông ngoại đạo Subhadda lật đật đến nơi Phật ngự, nói với Đại Đức Ananda rằng: Thưa ông, tôi muốn vào yết kiến ông đại Sa môn Cồ Đàm để hỏi những sự nghi ngờ trong lòng tôi.

Đại Đức Ananda nghĩ: Lẽ thường bọn ngoại đạo là người ngoan cố chấp lấy cái hiểu biết của mình không bao giờ biết phục thiện. Ông ta sẽ hỏi nhiều điều làm cho đức Thế Tôn giải đáp càng thêm mệt nhọc. Ngài liền bảo rằng: Này ông Subhadda ơi! Ông không nên đến làm bận đức Thế Tôn giờ phút chót, hiện giờ Ngài đang mệt nhọc. Ngài Đại Đức đứng chặn nơi ra vào không cho ông vào, nhưng ông ta không nản lòng một mực yêu cầu xin cho được vào yết kiến Phật lần cuối cùng. Ông yêu cầu bằng nhiều lượt nhưng không đắc thành sở nguyện.

Khi ấy đức Thế Tôn được nghe hai vị bàn cãi với nhau nên Ngài bảo đức Ananda rằng: Ananda ơi, người không nên ngăn cản Subhadda. Sở dĩ Như Lai không ngại khổ cực đường sá xa xuôi đến nhập diệt nơi đây không có chi hơn là độ Subhadda, vậy người nên để Subhadda vào hầu Như Lai.

(Nơi đây chúng ta là đệ tử Phật thì ai cũng chẳng nhìn thấy lòng đại từ bi của Ngài đối với chúng sanh mặc dầu giờ phút cuối cùng không còn mấy giờ và đang lâm trọng bệnh cũng vẫn cố độ đời).

Đức Ananda vâng lời để cho ông Subhadda vào hầu Phật. Khi vào đến nơi đánh lễ Phật xong ngồi nơi phải lễ rồi hỏi Phật: Bạch Ngài đại Sa môn Cồ Đàm. Tất cả các vị Sa môn, Bà la môn và sáu vị Tổ sư của sáu giáo phái lớn hiện nay hằng nói rằng: Ta là Sa môn. Vậy những vị ấy có hành đúng theo đường lối của Ngài, hay những người ấy có đường lối riêng khác hơn của Ngài, hoặc giả có nơi khác nhau và cũng có chỗ giống nhau. Vậy những vị ấy có thể giải thoát khỏi luân hồi khổ không?

- Này thầy Subhadda, người chẳng nên hỏi đến những điều của các giáo pháp khác, người nên cố để tâm trong sạch nghe pháp của Như Lai dạy người. Pháp hành của Như Lai đúng đắn theo đường lối giải thoát là Bát chánh đạo. Người thấy hiểu rõ Bát chánh đạo bằng Tuệ nhãn rồi là người đã đắc Tu-đà-hườn quả, là bậc Sa môn hạng Dự lưu hay cũng gọi là hạng sơ khởi. Rồi hành cho đắc được Tư đà hàm quả là hạng Sa môn bậc nhì, đến bậc A na hàm là hạng Sa môn bậc ba, đến A-la-hán là hạng Sa môn bậc tư. Này Subhadda, khi nào còn các vị Sa môn hay Bà la môn là hạng Tỷ khưu trong Phật giáo hành chân chánh rảo rớt theo Bát chánh đạo, có thể nhờ sự hành chân chánh ấy đắc được A-la-hán quả thì có thể gọi là thể gian còn có bậc Sa môn như, nhì, ba, tư. Và không có nhân vật nào có thể giải thoát (nếu không hành theo Bát chánh đạo).



Khi ông nghe đức Thế Tôn dạy tâm ông rất trong sạch nên phi lạc phát sanh rất dừng mãnh, đánh lễ đức Thế Tôn và bạch: Bạch Ngài Cồ Đàm là đấng cao quý nhưt dòng Thích Ca. Pháp bảo mà Ngài đã dạy tôi thật là pháp giải thoát và cao quý nhất không còn chi sánh bằng. Chính tôi là kẻ ngu ngốc tối mề nên không thể thông hiểu từ lâu, và cũng chẳng nghe pháp của Ngài là pháp có đủ phương tiện độ đời khỏi khổ. Ông liền xin cho ông xuất gia, đức Thế Tôn dạy Đại Đức Ananda làm lễ xuất gia cho ông. Chính đức Thế Tôn dạy thiền định cho ông. Ông dùng trí tuệ quan sát ba tướng là Vô thường, Khổ não và Vô ngã, đắc A-la-hán quả cả tuệ Phân tích trước khi đức Thế Tôn nhập diệt.

Trong chú giải có đề câu hỏi: Tại sao vị Tỳ khuru Subhadda đắc A-la-hán quả sau rất đến lúc đức Thế Tôn sắp nhập diệt?

Đáp: Lúc quá khứ trong một gia đình kia có hai anh em; cả hai đều có đức tin làm phước nhưt là bồ thí. Người anh có cúng dường vật thực đến hai vị đại đệ tử chánh thức đến chín lần. Khi làm ruộng hai anh em làm chung nhau. Đến khi lúa vừa ngâm sữa đồng đồng thì người anh nói với em rằng: Anh sẽ đem lúa đang ngâm đồng đồng ra xay lấy nước ấy nấu với sữa và đường mật cúng dường đến chư Tăng có đức Thế Tôn làm chủ tọa. Khi ấy nhằm thời kỳ của đức Thế Tôn có hồng danh là Padumuttara. Người em nghe anh nói vậy không bằng lòng vì sợ hao lúa, nên hai anh em phải chia ruộng ra mà làm. Người anh làm theo ý muốn của mình, và sau ấy ông còn làm chín thứ cốm dẹp cúng dường cho chư Tăng chín lần có đức Thế Tôn làm tọa chủ.

Còn người em thì đợi đến bao giờ gặt hái xong mới bồ thí. Vì vậy nên đến thời kỳ đức Thế Tôn của chúng ta hiện tại, người anh sanh lại là Đại Đức Kiều Trần Như đắc A-la-hán quả trước nhưt. Còn người em sanh lại là ông Subhadda đắc quả sau hết.

Sau khi dạy thiền định cho ông Subhadda xong, đức Thế Tôn dạy đạo cho chư Tăng. Riêng Đại Đức Ananda càng nghe lời giảng dạy của đức Thế Tôn càng thấy lòng mình đau khổ vì Ngài đình ninh rằng Ngài sẽ mất người thân yêu kính mến nhưt đời Ngài, Ngài nghĩ: Nếu ta than khóc gần nơi Phật ngự; làm cho đức Thế Tôn không được an lòng; tốt hơn ta tìm nơi vắng vẻ khóc than. Nghĩ xong Ngài ra khỏi nơi chư Tăng đang nghe lời giáo huấn. Ngài liền đến nơi một cánh cửa xa vắng tay vịn ngạch cửa khóc than: Thật ta là người vô phước đã theo hầu Phật từ lâu ví nhưt bóng với hình đến giờ ta vẫn còn trong hàng Hữu học (Người đắc từ Tu-đà-huờn trở lên tới A na hàm là hạng hữu học, ý nói học để đến quả A-la-hán mới là hạng vô học, nghĩa là đến nơi giải thoát khỏi học hành gì nữa). Phận sự của người xuất gia ta chưa hành xong mà đức Thế Tôn vội bỏ ta lại nhập Niết bàn. Ngài đành bỏ Ananda lại trên đời này bơ vơ một mình, bắt đầu từ sáng mai này Ananda dâng nước cho ai súc miệng, trải tọa cụ cho ai ngồi? Mang vật dụng cho ai?

Khi đức Thế Tôn thuyết pháp không thấy có Đại Đức Ananda trong hàng Tăng chúng, Ngài mới hỏi: Ananda đi đâu vắng?

Chư Tăng đáp: Bạch đức Thế Tôn, Đại Đức Ananda níu ngạch cửa than khóc rất thảm thương.

Đức Thế Tôn dạy đi gọi Ananda vào. Đức Thế Tôn dạy Ngài Ananda rằng: Ananda ơi, người không nên buồn rầu khóc lóc than van, Như Lai đã dạy người rồi: Lễ cố nhiên của các pháp hành là thường xa lìa các nhân vật thương yêu. Các pháp đều là vô thường. Hơn nữa Ananda là người đệ tử hầu cận ta từ lâu, sự hầu cận giúp đỡ một đấng Giáo chủ nhưt Như Lai sẽ không có lợi ích chi hết. Ananda này, người đã có đào tạo Ba la mật rất nhiều từ ngàn xưa, người chẳng nên than khóc đau buồn hãy rán cố tinh tấn đứng để duôi, không bao lâu thì người sẽ diệt được phiền não, người sẽ đắc A-la-hán quả khi kết tập Tam tạng lần thứ nhưt (sau khi Như Lai nhập diệt ba tháng).

Khi trời rưng sáng hào quang sáu màu bao quanh mình đức Thế Tôn một sai tay càng chói ngời rực rỡ khác thường. Đức Thế Tôn hỏi Đại Đức Ananda rằng: Lúc này là canh mấy rồi?

- Bạch đức Thế Tôn, trời rưng sáng rồi.
- Người nên hội chư Tăng lại đây.
- Bạch đức Thế Tôn, chư Tăng đã hội nơi đây rồi.

Khi ấy đức Thế Tôn dạy rằng: Nay chư Tăng, hiện nay khi Như Lai còn tại thế Như Lai là thầy của các người. Sau khi Như Lai nhập định rồi thì còn có tám muôn bốn ngàn pháp môn là thầy của các người thay Như Lai để dạy bảo các người. Các người đừng bao giờ nghĩ rằng: Khi Như Lai nhập diệt thì Pháp bảo cũng tiêu diệt, không phải là thầy ta. Nhưng trái lại những pháp luật mà Như Lai đã giáo truyền, pháp luật ấy lại là thầy các người sau khi Như Lai đã nhập diệt.

Rồi đức Thế Tôn mới chia ra những điều luật như điều này vô tội, điều kia có tội vì phạm vào điều cấm của Phật, điều nọ có tội vì phạm vào điều cấm của chính phủ. Điều này có tội không phải phạm vào điều luật của Chánh phủ mà vì phong tục của người đời. Điều này có tội vì phạm vào pháp luật của Phật mà theo luật của chánh phủ cũng phạm. Chẳng hạn buôn lậu, hay chạy đờ quốc cấm giùm cho một người nào lợi dụng nhà Sư. Còn phạm vì người đời chỉ trích hay vì phong tục là như nhà sư vào ăn trong tiệm, hay hàng cơm. Khi có người tín đồ thấy hay không phải tín đồ chỉ trích rằng: Người xuất gia mà vào ăn trong các nơi này coi không được. Hay người ta mà dùng đồ của người thế tục những vật ấy khi Phật còn tại thế không có, vì vậy trong luật không có để, nhưng khi thầy Tỳ khuru dùng có người chỉ trích rằng: Các bậc xuất gia dùng đồ ấy coi không được. ĐIền hình như dùng máy chụp ảnh. Thật không thích hợp với các bậc xuất gia. Nói tóm lại người xuất gia không nên dùng những gì như người cư sĩ. Vì người xuất gia là người đi ngoài vòng tục lụy. Kể từ hành động như nói, cười cũng có khác hơn người cư sĩ.

Đức Thế Tôn có dạy: Sau khi Như Lai nhập diệt pháp luật là thầy của các người. Các người nên ở dưới cội cây hay nhà thanh vắng hành Minh sát tuệ, không nên làm điều gì mà có sự hối tiếc về sau. Nên giữ Tứ thanh tịnh giới cho thật trong sạch, nên dùng trí tuệ quan sát thấy các pháp hành đáng kính sợ và sợ sự luân hồi.

Sau khi dạy xong đức Thế Tôn muốn nhắc chư Tăng nên kính trọng Pháp bảo nên Ngài có dạy câu cuối cùng rằng: AMANTAYÀMI VO BHIKHAVE v.v... Nghĩa: Như Lai xin già biệt các thầy nhập Niết bàn. Nay các thầy Tỳ khuru, các pháp hành hằng có sự tiêu diệt về ngày vị lai, các thầy nên giữ mình cho trong sạch bằng pháp không để duôi. Đây là lời cuối cùng của đức Đại Giác.

Sau khi dạy xong câu ấy đức Thế Tôn liền nhập Tứ thiền Hữu sắc bắt đầu từ Sơ thiền trở lên, khi xuất Tứ thiền Hữu sắc liền nhập vào Sơ thiên Vô sắc lần lên đến Tứ thiên Vô sắc lại trở ngược lại Tam thiên Vô sắc, tới Sơ thiên Vô sắc lại vào Tứ thiên Hữu sắc, Ngài trở ngược xuôi như vậy sau lại đến Tứ thiên Vô sắc ra Tứ thiên Vô sắc, Ngài liền nhập đại định gọi là Diệt thọ Vô tướng định.

Khi ấy Đại Đức Ananda hỏi Đại Đức Anuruddha rằng: Hiện giờ đức Thế Tôn ở nơi nào? Ngài nhập diệt chưa?

- Chưa, Ngài còn đang ở trong Diệt thọ Vô tướng định.

Chú giải hỏi: Tại sao Ngài Đại Đức Anuruddha biết rõ đức Thế Tôn đang ở nơi nào?

Đáp: Ngài muốn biết đức Thế Tôn nhập diệt nơi nào nên Ngài theo coi. Vì vậy Ngài biết rõ từng mỗi chi tiết.

Đức Thế Tôn trở đi trở lại như thế đến lần chót Ngài nhập diệt ở khoảng giữa của Tứ thiên Hữu sắc và Vô sắc. Vì vậy nên Ma vương muốn biết Ngài nhập diệt nơi nào bằng cách nào không sao hiểu nổi.

Thiên thứ mười lăm này tôi viết theo chú giải. Quý vị muốn xem rõ xin xem quyển Phật Nhập Niết bàn cùng một soạn giả, quyển ấy có nhiều chi tiết rõ rệt hơn vì tôi dịch đúng theo bài kinh Đại Niết Bàn trong bộ Dighànikāya (Trường A Hàm).

-ooOoo-

[Trang trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Trang kế](#)

---

*Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)*

---

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*update: 25-04-2001*